TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Thanh Sơn
2. Ông Nguyễn Đức Khâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lương Xuân Toản – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị K, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1975
Địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Ngô Thị K trình bầy: Tôi và anh Lương Văn T tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 01/2008 đến ngày 09/10/2008 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp, anh T không chịu khó làm ăn chỉ đi chơi từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng lại càng xảy ra căng thẳng hơn. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 01/2022 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 cháu Lương Thị Phương L sinh ngày 11/10/2008; Lương Việt H sinh ngày 21/9/2010. Khi ly hôn về con chung tôi và anh T thoả thuận anh T nuôi cả hai con và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.
Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật nhiều lần đối với anh Lương Văn T nhưng anh T không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – lào C phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị K được ly hôn anh Lương Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Lương Thị Phương L, sinh ngày 11/10/2008 và Lương Việt H, sinh ngày 21/9/2010 cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Ngô Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

4. Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị K và anh Lương Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 09 tháng 10 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Chị K cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp, anh T không chịu khó làm ăn chỉ đi chơi từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng lại càng xảy ra căng thẳng hơn. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 01/2022 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị K xin ly hôn anh T là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị K được ly hôn anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Lương Thị Phương L sinh ngày 11/10/2008; Lương Việt H sinh ngày 21/9/2010. Hiện nay anh T không có mặt ở nhà nhưng cháu L và cháu H đang ở nhà của anh T, còn chị K đã đi làm ăn và không ở cùng hai con. Khi ly hôn chị K khai rằng chị đã thoả thuận với anh T là anh T nuôi hai con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con, theo lời khai của hai cháu thì hàng tháng anh T vẫn gửi tiền về cho các cháu ăn học. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao cháu L và cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị K về nuôi con chung không trái với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ngô Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị K được ly hôn anh Lương Văn T.

2. Về con chung:

Xử giao cháu Lương Thị Phương L sinh ngày 11/10/2008; cháu Lương Việt H sinh ngày 21/9/2010 cho anh Lương Văn T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Ngô Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị K phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai số: 0001120 ngày 08 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Ngô Thị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự (2)
- UBND xã P
- Lưu HS -TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng